

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH BẮC GIANG Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HS-ST
Ngày 28-09-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- E phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn L Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn M Chung
2. Ông Nguyễn Hữu Thái

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2024/TLST- HS ngày 01 tháng 03 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 03 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/HSST-QĐ ngày 16 tháng 04 năm 2024; Quyết định tạm đình chỉ vụ án số: 01/2024/HSST-QĐ ngày 17 tháng 05 năm 2024; Quyết định phục hồi vụ án số: 01/2024/HSST-QĐ ngày 13 tháng 09 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 09 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1977 tại xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn V, xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ L hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu L (tức B) và bà Nguyễn Thị T; có vợ, 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 131/2013/HSST ngày 19/11/2013 Tòa án nhân dân E phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 7 năm 6 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phí, tiền phạt ngày 21/5/2014. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/4/2019; bị tạm giữ từ ngày 09/06/2022 đến ngày 15/01/2023; từ ngày 11/09/2024 đến nay. (có mặt).

Bi hai: Chi Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã H Sơn, huyện G, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư phạm L Y- L phòng Luật sư Phạm M Anh, đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã A, huyện G, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng L Khải, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Z, xã D, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

- Ông Phạm Đ E, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn I, xã Tr, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố X1, thị trấn C1, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1977 trú tại thôn V, xã K, huyện Lục Nam làm nghề xe ôm ở khu vực ngã tư Thân, thị trấn C1, huyện Lục Nam. Khoảng tháng 03 năm 2022, Đ quen chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 trú tại thôn P, xã H Sơn, huyện G. Thời điểm này, chị H thuê phòng trọ của gia đình anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1981 ở tổ dân phố X1, thị trấn C1, huyện Lục Nam để ở. Biết Đ làm nghề xe ôm, chị H thường nhờ Đ mua hộ đồ ăn, hoa quả, thuốc uống để sử dụng. Khoảng 21 giờ ngày 18/6/2022, Đ đến phòng trọ của chị H chơi, sau đó giữa Đ và chị H xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chị H cầm bát nước canh hắt vào mặt Đ rồi cầm hoa quả quăng vào người Đ và đuổi Đ về. Do bức tức, Đ dùng tay đâm vào người chị H và du chị H ngã ra giường. Sau đó, Đ chạy ra ngoài cửa lấy 01 con dao phay dài 35,5cm (lưỡi dao dài 22,8cm, bản rộng 7cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12,7cm) cầm ở tay phải mang vào trong phòng chém nhiều nhát vào người chị H, chị H giơ hai tay lên đỡ thì bị Đ chém nhiều nhát trúng vào cổ tay, cẳng hai tay và vai trái. Chị H bỏ chạy ra ngoài sân và kêu cứu thì Đ tiếp tục cầm dao đuổi. Lúc này, anh C và vợ là chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1991 đang ở trong bếp nghe thấy tiếng kêu cứu của chị H nên chạy ra ngoài sân thì thấy chị H nằm ngã ở sân, trên người chảy nhiều máu, Đ đang cầm dao trên tay đứng ở gần chị H. Anh C lao vào ôm, quật Đ ngã xuống đất và giữ Đ lại, còn chị H1 chạy vào giằng con dao trên tay Đ ra. Sau đó, anh C bỏ Đ ra rồi cùng chị H1 và ông Phạm Đ E, sinh năm 1957 trú tại tổ dân phố X1, thị trấn C1, huyện Lục Nam (làm nghề lái xe taxi thuê phòng trọ nhà anh C) đưa chị H đến Trung tâm Y tế huyện Lục Nam cấp cứu sau đó chuyển xuống Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang điều trị, đến ngày 06/7/2022 thì chị H ra viện.

Cùng ngày 18/6/2022, Đ đến Công an xã K, huyện Lục Nam đầu thú. Ngày 19/6/2022, anh Hoàng L Khải, sinh năm 1998 trú tại thôn Z, xã Hoà Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (là con trai chị H) làm đơn trình báo vụ việc.

Khám nghiệm hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra vụ án tại nhà anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1981 ở tổ dân phố X1, thị trấn C1, huyện Lục Nam. Hướng Bắc tiếp giáp nhà bà Nguyệt; hướng Đông tiếp giáp nhà ông Cảnh; hướng Nam tiếp giáp nhà bà Xiêm; hướng Tây tiếp giáp nhà ông Thuỷ.

Nhà anh C có 01 cổng ra vào, phía trong cổng là sân lát gạch đỏ, kế tiếp là sân bê tông, khu vực dãy các phòng trọ. Dãy nhà trọ được xây gồm 01 tầng có 05 phòng trọ theo chiều từ Bắc tới Nam lần lượt đánh số thứ tự các phòng từ 1 đến phòng 5, nhà vệ sinh.

Tại phòng trọ số 3 có 01 cửa chính kích thước (0,9x2,1)m gồm 02 cánh cửa bằng gỗ mở vào trong. Phòng có kích thước (3x2,7)m, kê 01 giường (dạng phản) bằng gỗ kích thước (1,4x2)m. Sát mép tường phía Bắc, cách mép tường phía Tây 0,5m có kê 01 tấm gỗ kích thước (0,5x1,2x0,45)m, trên mặt đặt nhiều đồ dùng sinh hoạt cá nhân. Trên mặt sàn phòng 3, cách mép cửa ra vào 0,4m, cách mép tường phía Bắc 0,6m có vùng dấu vết vật chất màu nâu đỏ, dạng nhỏ giọt trên diện tích (1,4x2)m. Trên sàn phòng rải rác có các quả vải và đồ đạc bị lộn xộn. Phía trước cửa phòng trọ là khu vực sân bê tông kích thước (18x6,5)m. Trên mặt sân bê tông, cách mép tường bao phía Nam 11m, cách mép cửa ra vào (phòng 3) 0,6 m có vùng dấu vết vật chất màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt trên diện tích (4,4x0,5)m.

Trên sân bê tông cách mép tường phía Tây nhà vệ sinh dãy trọ 2,3m, ngay sát mép tường bao phía Nam có kê dãy các sập khung kim loại mặt gỗ, kích thước mỗi sập (1,95x1,5)m xếp chồng lên nhau tại khối cao 1,4m. Trên khu vực khối các sập xếp chồng cách mặt sân 1m, ngay sát mép sập phía Bắc, cách mép tường phía Tây nhà vệ sinh khu dãy trọ 3,5m phát hiện 01 con dao dài 35,5cm, lưỡi dao kim loại dài 22,8cm, bản rộng lưỡi dao 7cm, có một lưỡi sắc, chuôi dao bằng gỗ dài 12,7cm. Trên lưỡi dao bám dính rải rác chất màu nâu đỏ.

Quá trình khám nghiệm, Cơ quan điều tra thu giữ 01 con dao (có đặc điểm nêu trên) và tiến hành niêm phong để giám định.

Về tH tích của chị Nguyễn Thị H: Tại giấy chứng nhận tH tích ngày 20/6/2022 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác nhận:

- Chị Nguyễn Thị H vào viện lúc 00 giờ 00 phút ngày 19/6/2022.

- Tình trạng tH tích lúc vào viện: 01 vết tH cẳng tay trái 1/3 giữa mặt sau kích thước (03x02)cm, đứt bán phần gân cơ duỗi cổ tay trụ; 01 vết tH cổ tay trái bờ trong kích thước (03x02)cm gây hoàn toàn đầu dưới xương trụ, đứt hoàn toàn gân duỗi cổ tay trụ; 02 vết tH vai trái mặt trước và ngoài kích thước (03x02)cm đứt bán phần cơ Delta; 01 vết tH cẳng tay phải 1/3 giữa bờ trong từ trước ra sau, kích thước (12x5)cm

gãy hở xương trụ, đứt thần kinh trụ, co thắt bó mạch trụ, đứt gân cơ gấp chung nông, gấp chung sâu các ngón, gân cơ gấp cổ tay trụ, gân cơ duỗi cổ tay trụ; 01 vết tH cổ tay phải mặt sau kích thước (08x02)cm gãy hoàn toàn xương trụ, mẻ 1 phần đầu dưới quay xương quay, xương quay vững, đứt 1 phần cơ gấp vuông, đứt bán phần gân duỗi dài ngón I, đứt hoàn toàn gân duỗi ngón II, III, IV, V; gân duỗi riêng ngón trỏ, duỗi riêng ngón út, duỗi cổ tay trụ.

- X-Quang: Gãy đầu dưới hai xương cẳng tay trái.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định xác định tH tích, cơ chế hình E tH tích của chị Nguyễn Thị H. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tH tích số 768/22/TgT ngày 24/6/2022 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- TH tích vết tH đã khâu vai trái kích thước 5x0,2cm: 1%.
- TH tích vết tH đã khâu vai trái kích thước 3x0,1cm: 1%.
- TH tích vết tH đã khâu mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái: 2%.
- TH tích vết tH đã khâu mặt sau cổ tay trái + gãy hoàn toàn đầu dưới xương trụ: 8%.
- TH tích vết tH đã khâu mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải + Đứt bán phần thần kinh trụ: 23%.
- TH tích vết tH đã khâu mặt sau cổ tay phải + Mẻ 1 phần đầu dưới xương quay: 4%.
- TH tích gãy 1/3 giữa và 1/3 dưới xương trụ phải: 21%.

2. Tổng tỷ lệ tổn tH cơ thể do tH tích gây nên hiện tại là: 48%.

3. Kết luận khác:

- Chưa đánh giá tổn tH đứt các gân của chị Nguyễn Thị H do đang điều trị.
- Cơ chế, vật, chiều hướng gây tH tích: Các tH tích do vật sắc gây nên, không xác định được chiều hướng gây tH tích.
- Trong giám định pháp y không sử dụng thuật ngữ “cố tật” mà chỉ xác định tỷ lệ phần trăm tổn tH cơ thể do di chứng vết tH, chấn tH gây ra tại thời điểm giám định.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung xác định tH tích của chị Nguyễn Thị H và trưng cầu giám định dấu vết trên vật chứng là con dao thu giữ tại hiện trường. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tH tích bổ sung số 1096/22/TgT ngày 06/12/2022 và Bản kết luận giám định pháp y về tH tích bổ sung số 1362/23/TgT ngày 27/4/2023 của Trung tâm Pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

- TH tích đứt hoàn toàn gân duỗi cổ tay trụ trái + Khám thần kinh vận động: Vận động khớp cổ bàn tay trái hạn chế mức độ nhẹ: 16%. Tổng tỷ lệ tổn tH cơ thể do tH

tích gây nên hiện tại là 56%. Không đánh giá vận động khớp cổ bàn tay phải vì còn dụng cụ kết hợp xương.

- TH tích đứt gân cơ gấp chung nông, gấp chung sâu các ngón, gân cơ gấp cổ tay trụ, gân cơ duỗi cổ tay trụ, đứt một phần cơ sấp vuông, đứt bán phần gân duỗi dài ngón I, đứt hoàn toàn gân duỗi ngón II, III, IV, V, gân duỗi riêng ngón trỏ, gân duỗi riêng ngón út, duỗi cổ tay trụ + Khám vận động cổ bàn tay phải hiện tại: Tồn tH cổ bàn ngón tay phải vận động hạn chế (khâu nối chưa phục hồi): 21%. Tổng tỷ lệ tồn tH cơ thể do tH tích gây nên hiện tại là 65%.

Tại Bản kết luận giám định số 348/22/TC-ADN ngày 04/8/2022 của Viện Pháp y Quốc gia kết luận: ADN thu trên con dao gửi giám định trùng khớp hoàn toàn với ADN của Nguyễn Thị H trên tất cả các locus STR đã so sánh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam tiến hành thực nghiệm điều tra theo lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu Đ, bị hại chị Nguyễn Thị H và tiến hành trưng cầu giám định bổ sung theo các tình huống thực nghiệm điều tra. Tại bản Kết luận giám định pháp y bổ sung qua hồ sơ số 1865/23/KLBSPH-PY ngày 08/11/2023 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, kết luận:

1. Cơ chế hình E tH tích của chị Nguyễn Thị H theo 02 tình huống:

- TH tích do vật sắc gây nên.
- Tình huống thực nghiệm theo lời khai của chị Nguyễn Thị H:
 - + TH tích mặt sau cổ tay phải chiều hướng từ trên xuống dưới, từ phải sang trái theo tư thế để tay của chị H.
 - + TH tích mặt ngoài vai trái chiều hướng từ trên xuống dưới, từ phải sang trái, từ sau ra trước.
 - + TH tích mặt trước vai trái chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau.
 - + Các tH tích còn lại không xác định được chiều hướng gây tH tích.
- Tình huống thực nghiệm theo lời khai của Nguyễn Hữu Đ:
 - + TH tích mặt ngoài vai trái chiều hướng từ trên xuống dưới, từ phải sang trái, từ sau ra trước.
 - + Các tH tích còn lại không xác định được chiều hướng gây tH tích.

2. Tình huống phù hợp tạo nên vết tH của chị Nguyễn Thị H

- Tình huống thực nghiệm theo lời khai của chị Nguyễn Thị H phù hợp tạo nên các vết tH của chị H
- Tình huống thực nghiệm theo lời khai của Nguyễn Hữu Đ phù hợp tạo nên các vết tH của chị H trừ tH tích vết tH mặt trước vai trái của chị H không tạo được.

Quá trình thực nghiệm điều tra bị cáo Nguyễn Hữu Đ thực hiện tuân thủ tư thế cầm dao chém gây tH tích cho chị H, phù hợp với lời khai của bị cáo, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Về trách nhiệm dân sự: Chị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu Đ bồi thường tiền viện phí, tiền thuốc, chi phí đi khám, chữa bệnh, tiền ngày công lao động, tiền mất thu nhập của người chăm sóc chị H, tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 420.230.000 đồng.

Về vật chứng gồm: 01 con dao dài 35,5cm, lưỡi dao kim loại dài 22,8cm, bản rộng lưỡi dao 7cm, có một lưỡi sắc, chuôi dao bằng gỗ dài 12,7cm, Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Bản cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 29/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội “Cố ý gây tH tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam trình B lời luận tội, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội “Cố ý gây tH tích”. Áp dụng điều luật và xử phạt với bị cáo như sau:

Áp dụng: Điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Hữu Đ từ 09 năm đến 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ. Được trừ số ngày bị tạm giữ, tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự, buộc Nguyễn Hữu Đ phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H tổng số tiền từ 260.186.851 đồng đến 267.206.851 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 35,5cm, lưỡi dao kim loại dài 22,8cm, bản rộng lưỡi dao 7cm, có một lưỡi sắc, chuôi dao bằng gỗ dài 12,7cm.

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ không có ý kiến tranh luận gì.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình B ý kiến: Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã dùng dao chém liên tục nhiều nhát vào người bị hại, sau khi bị chém, bị hại bỏ chạy ra ngoài, bị cáo tiếp tục cầm dao đuổi theo, bị hại bị ngã, bị cáo định chém bị hại tiếp nhưng có người ra ôm bị cáo, bị cáo mới dừng lại và bỏ đi. Điều đó thể hiện hành vi hung hãn, quyết tâm thực hiện hành vi đến cùng, nhằm tước đoạt tính mạng của bị hại, bị hại không chết là do có yếu tố khách quan. Trên cơ sở đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo về “Tội giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Trường hợp, Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo “Tội cố ý gây tH tích”, đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù. Về trách nhiệm

dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường tất cả các khoản chi phí cho bị hại với tổng số tiền là 420.230.000 đồng.

Bị hại chị Nguyễn Thị H không có tranh luận gì, nhất trí với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo, bị hại về hành vi của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 18/6/2022, tại phòng trọ của chị Nguyễn Thị H ở tổ dân phố X1, thị trấn C1, huyện Lục Nam, Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị H xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Do bức tức, Đ lấy ở cửa phòng trọ 01 con dao phay dài 35,5cm, lưỡi dao kim loại dài 22,8cm, bản rộng lưỡi dao 7cm, có 1 lưỡi sắc, chuôi dao bằng gỗ dài 12,7cm mang vào phòng trọ chém nhiều nhát vào hai tay và vai trái của chị H. Hậu quả làm chị H bị tH tích 65% sức khỏe. Hành vi gây tH tích thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định: Người nào “Gây tH tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn tH cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này” thì bị phạt tù từ 07 đến 14 năm. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã đủ yếu tố cấu E “Tội cố ý gây tH tích” quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa pH. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều E khẩn khai báo; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bản án số 131/2013/HSST ngày 19/11/2013 Tòa án nhân dân E phố Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 7 năm 6 tháng tù, về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để rèn luyện, tu dưỡng bản thân, mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý; trong thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, bị cáo bỏ trốn khỏi địa pH, bị bắt theo lệnh truy nã. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục và cải tạo trong một thời gian ngắn.

[5]. Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định với mức phạt tù có thời hạn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở E người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. .

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình tố tụng, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 420.230.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 430.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại 150.000.000 đồng. Viện kiểm sát đề nghị bị cáo phải bồi thường cho bị hại từ 260.186.851 đồng đến 267.206.851 đồng. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị bị cáo phải bồi thường 420.230.000 đồng, bị hại nhất trí.

Căn cứ vào Điều 590 Bộ luật dân sự, Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 09 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo phải bồi thường cho bị hại về các khoản như sau: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe của người bị thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện như sau: Đơn mua thuốc ngày 19/6/2022: 96.229 đồng; phiếu thu ngày 06/7/2022: 353.047 đồng; đơn mua thuốc ngày 06/7/2022: 1.579.000 đồng; hóa đơn mua thuốc ngày 14/7/2022: 1.069.000 đồng; đơn mua thuốc ngày 09/8/2022: 510.000 đồng; phiếu thu điều trị tập vật lý ngày 16/8/2022: 1.200.000 đồng; phiếu thu khám bệnh ngày 06/9/2022: 38.700 đồng; phiếu thu ngày 19/9/2022: 1.200.000 đồng; đơn mua thuốc ngày 21/9/2022: 128.390 đồng; hóa đơn ngày 09/10/2022: 48.000 đồng; hóa đơn bán hàng ngày 09/10/2022: 2.281.500 đồng; đơn thuốc ngày 10/10/2022: 650.000 đồng; phiếu bán lẻ ngày 21/11/2022: 80.000

đồng; hóa đơn bán hàng ngày 31/12/2022: 877.500 đồng; hóa đơn bán hàng ngày 02/01/2023: 151.500 đồng; hóa đơn bán hàng ngày 07/01/2023: 151.500 đồng; hóa đơn bán hàng ngày 10/01/2023: 201.500 đồng; hóa đơn bán hàng ngày 15/02/2023: 410.838 đồng; phiếu thu chẩn đoán hình ảnh ngày 15/3/2023: 300.300 đồng; phiếu chỉ định chụp X-Quang ngày 15/3/2023: 130.800 đồng; đơn thuốc ngày 13/4/2023: 625.000 đồng; phiếu thu ngày 24/4/2023: 941.500 đồng; bảng kê chi phí ngày 24/4/2023 (Phiếu chỉ định siêu âm ngày 24/4/2023: 223.000 đồng; phiếu chỉ định điện tim ngày 24/4/2023: 50.000 đồng; phiếu chỉ định cắt lớp vi tính ngày 24/4/2023: 1.000.000 đồng; phiếu chỉ định xét nghiệm ngày 24/4/2023 (nhiều loại): 579.000 đồng): 1.972.000 đồng; hóa đơn bán hàng: 1.157.500 đồng; viện phí từ 18/6/2022 đến 06/7/2022 là: 353.047 đồng (do chị H có bảo hiểm). Tổng số tiền theo hóa đơn là: 16.506.800 đồng.

Chị Nguyễn Thị H có 15 lần đi viện khám chữa bệnh, do sức khỏe bị tổn thương nặng cần phải đi bằng phương tiện ô tô nên chi phí thuê xe ô tô là 15.000.000 đồng.

Chi phí bồi dưỡng sức khỏe trong thời gian nằm viện: Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết số 02 ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao quy định là 01 ngày lương tối thiểu cho 1 ngày khám chữa Bệnh. Tại thời điểm chị H nằm viện mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/30 ngày=60.000 đồng/01 ngày. Chị H điều trị 265 ngày tại Bệnh viện x 60.000 đồng= 15.900.000 đồng.

Tiền mất thu nhập của Nguyễn Thị H, của người chăm sóc cụ thể như sau: Chị H có 15 lần nằm viện (bao gồm cả vật lý trị liệu) với tổng số 265 ngày (Lần 1 từ ngày 18/6/- 06/7/2022; sau cùng từ 19/4/2023-27/4/2023. Đây là số lần nằm viện thực tế, có giấy ra viện). Do bị thương ở cả hai tay nên trong tháng đầu nằm viện, chị H cần có hai người chăm sóc là chị Bùi Thị Thủy và anh Hoàng L Khải. Sau đó bệnh tình đã ổn định nhưng vẫn cần thiết phải có một người chăm sóc là anh Khải trong 02 tháng tiếp theo. Mức thu nhập Y quân tại xã H Sơn, huyện G là 220.000 đồng/01 ngày. Tuy nhiên mức thu nhập này chưa đảm bảo, chị H và chị Thủy không có công việc ổn định nên cần tính mức thu nhập cho chị H, chị Thủy là 300.000 đồng/01 ngày; đối với anh Khải có việc làm ổn định với mức thu nhập theo việc làm là 400.000 đồng/01 ngày. Cụ thể: Đối với chị H: 265 ngày x 300.000 đồng = 79.500.000 đồng; chị Thủy: 30 ngày x 300.000 đồng = 9.000.000 đồng; anh Khải: 90 ngày x 400.000 đồng = 36.000.000 đồng. Tổng số tiền thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút phải bồi thường là: 124.500.000 đồng.

Sau khi bị hại ra viện cũng cần phải bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe nên buộc bị cáo bồi Nguyễn Hữu Đ phải bồi thường cho bị hại một khoản tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe tương ứng 12 tháng lương cơ sở (12 x 2.340.000đ/tháng) = 28.080.000 đồng.

Ngoài ra cũng cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại một khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần. Theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự, trường hợp các bên không thỏa thuận được thì mức tối đa là không quá 50 lần mức lương tối thiểu. Tại thời điểm

xét xử mức lương là 2.340.000 đồng/tháng. Chị Nguyễn Thị H bị tH tích 65% x 50 tháng lương = 33 tháng lương x 2.340.000 đồng là 77.220.000 đồng.

Như vậy, buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 277.206.800 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm linh sáu nghìn tám trăm đồng).

[8] Tại phiên tòa, quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, đồng thời cũng là ý kiến của bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo về “Tội giết người”, Hội đồng xét xử thấy chưa đủ căn cứ bởi lẽ hành vi của bị cáo tuy liên tục, quyết liệt nhưng các vị trí bị cáo chém gây tH tích không phải là vùng trọng yếu của cơ thể, bị cáo không có ý thức tước đoạt tính mạng của bị hại, sau khi có người ôm, can ngăn, bị cáo đã dừng lại ngay và bỏ đi. Mức hình phạt tù đối với bị cáo từ 13 năm đến 14 năm theo đề nghị của Luật sư về “Tội cố ý gây tH tích” là cao so với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Về trách nhiệm dân sự, mức bồi thường bị hại, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đưa ra có cơ sở. Tuy nhiên mức bồi thường này là cao so với quy định của pháp luật, nên chỉ chấp nhận bị cáo phải bồi thường cho bị hại với mức như đã phân tích ở mục [7].

[9]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. 01 con dao dài 35,5cm, lưỡi dao kim loại dài 22,8cm, bản rộng lưỡi dao 7cm, có một lưỡi sắc, chuôi dao bằng gỗ dài 12,7cm giá trị sử dụng thấp, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10]. Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Hữu Đ 10 năm tù về tội “Cố ý gây tH tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 11/09/2024; được trừ số ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/06/2022 đến 15/01/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 277.206.800 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm linh sáu nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 35,5cm, lưỡi dao kim loại dài 22,8cm, bản rộng lưỡi dao 7cm, có một lưỡi sắc, chuôi dao bằng gỗ dài 12,7cm.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 13.860.300 đồng (mười ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Báo cho bị cáo; người bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn L Huân